|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH NINH THUẬN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Ninh Thuận, ngày tháng năm 2019* |

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định chính sách đặc thù**

**khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**

**trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó có nội dung giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh rà soát, ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung xây dựng Nghị quyết Quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Ngày 17/4/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP), Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ; theo đó, tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 57/2018/NĐ-CP và Quyết định 1203/QĐ-TTg ngày 18/9/2018 của Chính phủ về ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, quy định HDND cấp tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại địa phương, trong đó quy định chính sách tín dụng tại địa phương; vốn cấp bù lãi suất hỗ trợ cho các dự án và mức vốn sử dụng ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế của địa phương và thực hiện quy định của Trung ương; đồng thời, để đẩy mạnh thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh, góp phần phát triển bền vững sản xuất nông nghiệp của tỉnh theo hướng hiện đại, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao.

Do đó, việc xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích:**

Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận nhằm cụ thể hóa các nội dung, định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tạo điều kiện thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:**

- Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, có tác động tích cực phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh nhất là ở khu vực nông thôn.

- Điều kiện để được nhận hỗ trợ của các chính sách trong Nghị quyết phù hợp với thực tế của tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là ưu tiên cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

**III. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018 ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Dự thảo Nghị quyết xây dựng gồm 04 chương, 9 điều với các nội dung chính như sau:

**Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Doanh nghiệp nhận hỗ trợ là doanh nghiệp trong nước được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Quy định này.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ đầu tư**

1. Ưu tiên xem xét hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với các dự án sau đây:

a) Dự án đầu tư chế biến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

b) Dự án đầu tư liên kết sản xuất tạo ra chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dự án xây dựng vùng nguyên liệu có hợp đồng liên kết với nông dân.

c) Dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc (bò, dê, cừu) tập trung.

2. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có các mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

3. Những nội dung về cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư không nêu tại Quy định này được thực hiện theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

4. Doanh nghiệp tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

5. Nhà đầu tư được Nhà nước xem xét hỗ trợ sau khi đã hoàn thành dự án, được nghiệm thu theo quy định.

6. Nguồn vốn và thủ tục hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định riêng của pháp luật.

**Chương II. CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

**Điều 3. Chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng**

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc lĩnh vực ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quy định này được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

a) Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất cho vay thương mại của các ngân hàng thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

b) Căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ:

- Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thấp nhất của các ngân hàng thương mại do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, có hoạt động cho vay các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được ngân hàng thương mại niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

- Mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

c) Thời gian hỗ trợ lãi suất đối với từng khoản vay tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại tối đa 03 năm. Trường hợp dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

d) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

2. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất:

- Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính cho từng dự án và cấp cho doanh nghiệp sau khi doanh nghiệp đã trả nợ vay đầu tư (nợ gốc trong hạn theo phân kỳ đã quy định của hợp đồng tín dụng và lãi vay) cho tổ chức tín dụng theo hợp đồng và khế ước vay, sau khi dự án đưa vào sản xuất kinh doanh.

- Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho doanh nghiệp chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký.

- Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

3. Điều kiện hỗ trợ:

Doanh nghiệp có dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch, được cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, đồng thời hoàn tất các thủ tục về đầu tư, xây dựng, các thủ tục khác có liên quan và đưa dự án vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Vốn cấp bù chênh lệch lãi suất:

Vốn cấp bù chênh lệch lãi suất được bố trí từ ngân sách tỉnh theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

5. Trường hợp dự án được hỗ trợ lãi suất không đúng nguyên tắc và điều kiện nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì doanh nghiệp phải có trách nhiệm hoàn trả lại ngân sách tỉnh toàn bộ số tiền đã nhận hỗ trợ.

6. Nội dung hỗ trợ lãi suất sau đầu tư quy định tại Điều này được nêu tại văn bản cam kết hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

**Điều 4. Các chính sách hỗ trợ đầu tư khác (từ nguồn vốn ngân sách tỉnh)**

1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến nông sản:

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư nhà máy, cơ sở chế biến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh sử dụng nguyên liệu địa phương được ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư nhưng tối đa không quá 1,5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu và sử dụng 50 lao động địa phương trở lên làm việc thường xuyên tại nhà máy.

- Có dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch, được cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc (bò, dê, cừu) tập trung:

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc (bò, dê, cừu) tập trung được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư nhưng tối đa không quá 1,5 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Công suất giết mổ một ngày đêm đạt công suất tối thiểu 100 con gia súc.

- Có dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch, được cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Doanh nghiệp đầu tư dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh được hỗ trợ 50 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

**Chương III. NGUỒN VỐN, CƠ CHẾ HỖ TRỢ**

**Điều 5. Nguồn vốn hỗ trợ**

1. Hàng năm trích ngân sách tỉnh để bố trí vốn hỗ trợ doanh nghiệp theo chính sách quy định tại Quy định này, gồm:

a) Nguồn chi thường xuyên hàng năm ngân sách tỉnh để hỗ trợ cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

b) Hàng năm trích 2 - 3% từ nguồn vốn chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý để hỗ trợ doanh nghiệp có dự án đầu tư theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các quỹ hợp pháp khác.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối vốn của từng giai đoạn và hàng năm, nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng mức vốn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP hàng năm và 05 năm của tỉnh.

**Điều 6. Cơ chế hỗ trợ**

1. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư, khi hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án hoàn thành và nghiệm thu theo quy định của pháp luật được giải ngân 70% mức hỗ trợ theo hạng mục, gói thầu; sau khi dự án hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu đưa vào hoạt động thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư về danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và văn bản cam kết hỗ trợ vốn của cơ quan có thẩm quyền là căn cứ để giao kế hoạch hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp.

3. Vốn giao cho doanh nghiệp chưa giải ngân hết trong năm kế hoạch ngân sách sẽ được chuyển sang năm sau giải ngân tiếp. Trường hợp sau 02 năm mà doanh nghiệp vẫn chưa giải ngân hết thì số vốn còn lại được điều chuyển cho doanh nghiệp khác theo Quy định này.

**Điều 7. Trình tự thủ tục đầu tư, hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ**

Trình tự thủ tục đầu tư, hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

**Chương IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

**Điều 9. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

3. Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại dự án, hạng mục, công trình phù hợp với các mức hỗ trợ tại Quy định này.

**V. TÁC ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI KHI NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC BAN HÀNH**

Nghị quyết được ban hành sẽ tạo sự thống nhất trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, khuyến khích, tạo động lực để thu hút đầu tư các dự án vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Sau khi lấy ý kiến tham gia của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và hoàn thiện theo văn bản thẩm định của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (kèm theo dự thảo nghị quyết và báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp).

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Để triển khai thực hiện Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị tổ chức thực hiện như sau:

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

+ Ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

+ Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại dự án, hạng mục, công trình phù hợp với các mức hỗ trợ tại Quy định này.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát, đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

**VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH**

Kỳ họp giữa năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua chủ trương xây dựng Nghị quyết Quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thường trực HĐND tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Các Sở: KHĐT, TNMT,  NNPTNT, Tư pháp, Tài chính;  - VPUB tỉnh: CVP, PCVP;  - Lưu: VT. | **TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Lưu Xuân Vĩnh** |